

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07 – 5 - 2021

V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Trương Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Chúc L, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Quách Văn K, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Chúc L và anh Quách Văn K thống nhất trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi chung sống năm 2000, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân 02 năm. Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án không công nhận chúng tôi là vợ chồng.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 người con tên Quách Hữu T, sinh năm 2001 và Quách Duy K1, sinh ngày 20/01/2006. Khi ly hôn chúng tôi thỏa thuận, anh K được quyền nuôi cháu K1, cấp dưỡng không đặc ra.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Chúc L khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Quách Văn K là vụ kiện tranh chấp ly hôn, con chung do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh K, chị L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh K, chị L.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2000, chị L và anh K chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết, chị L và anh K thỏa thuận, khi ly hôn cháu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu K1 chị L đồng ý giao cho anh K nuôi, anh K đồng ý, cấp dưỡng không đặc ra. Xét thấy: Theo văn bản trình bày nguyện vọng của cháu K1 thể hiện “Khi cha mẹ ly hôn thì cháu K1 có nguyện vọng sống với cha”. Như vậy, việc thỏa thuận giữa anh K, chị L là hoàn toàn tự nguyện và sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của cháu K1 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về tài sản chung: Anh K, chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác: Anh K, chị L xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Chúc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Chúc L với anh Quách Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Duy K1, sinh ngày 20/01/2006 cho anh Quách Văn K được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Chúc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Chúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011587 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Nguyễn Chúc L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thịnh